

Phụ lục số 1 : Mẫu báo cáo gửi Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán
VPBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 682 /CV- VPBankS

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 07/2025

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACG			ACG
7	ACL			ACL
8	ADG			ADG
9	ADP			ADP
10	ADS			ADS
11	AGG			AGG
12	AGR			AGR
13	ANV			ANV
14	ASG			ASG
15	ASM			ASM
16	AST			AST
17	BAF			BAF

18	BBC			BBC
19	BCM			BCM
20	BFC			BFC
21	BHN			BHN
22	BIC			BIC
23	BID			BID
24	BKG			BKG
25	BMC			BMC
26	BMI			BMI
27	BMP			BMP
28	BRC			BRC
29	BSI			BSI
30	BTP			BTP
31	BTB			BTB
32	BVH			BVH
33	BWE			BWE
34	C32			C32
35	CCI			CCI
36	CCL			CCL
37	CDC			CDC
38	CHP			CHP
39	CII			CII
40	CKG			CKG
41	CLC			CLC
42	CLL			CLL
43	CLW			CLW
44	CMG			CMG
45	CMV			CMV
46	CNG			CNG
47	COM			COM
48	CRC			CRC
49			CRE	CRE
50	CSM			CSM

51	CSV			CSV
52	CTD			CTD
53	CTF			CTF
54	CTG			CTG
55	CTI			CTI
56	CTR			CTR
57	CTS			CTS
58	CVT			CVT
59	D2D			D2D
60	DAH			DAH
61	DAT			DAT
62	DBC			DBC
63	DBD			DBD
64	DBT			DBT
65	DC4			DC4
66	DCL			DCL
67	DCM			DCM
68	DGC			DGC
69	DGW			DGW
70	DHA			DHA
71	DHC			DHC
72	DHG			DHG
73	DHM			DHM
74	DIG			DIG
75	DMC			DMC
76	DPG			DPG
77	DPM			DPM
78	DPR			DPR
79	DRC			DRC
80	DRL			DRL
81	DSE			DSE
82	DSN			DSN
83	DTA			DTA

84	DTT			DTT
85	DVP			DVP
86	DXG			DXG
87	DXS			DXS
88	EIB			EIB
89	ELC			ELC
90	EVF			EVF
91	FCM			FCM
92	FCN			FCN
93	FIR			FIR
94	FIT			FIT
95	FMC			FMC
96	FPT			FPT
97	FRT			FRT
98	FTS			FTS
99	GAS			GAS
100	GDT			GDT
101	GEE			GEE
102	GEG			GEG
103	GEX			GEX
104	GMD			GMD
105	GMH			GMH
106	GSP			GSP
107	GTA			GTA
108	GVR			GVR
109	HAH			HAH
110	HAP			HAP
111	HAR			HAR
112	HAX			HAX
113	HCD			HCD
114	HCM			HCM
115	HDB			HDB
116	HDC			HDC

117	HDG			HDG
118	HHP			HHP
119	HHS			HHS
120	HHV			HHV
121	HII			HII
122	HMC			HMC
123	HNA			HNA
124	HPG			HPG
125	HPX			HPX
126	HQC			HQC
127	HRC			HRC
128	HSG			HSG
129	HSL			HSL
130	HT1			HT1
131	HTG			HTG
132	HTI			HTI
133	HTL			HTL
134	HTN			HTN
135	HTV			HTV
136	HU1			HU1
137	HUB			HUB
138	HVH			HVH
139	ICT			ICT
140	IDI			IDI
141	IJC			IJC
142	ILB			ILB
143	IMP			IMP
144	ITC			ITC
145	KBC			KBC
146	KDC			KDC
147	KDH			KDH
148	KHG			KHG
149	KHP			KHP

150	KMR			KMR
151	KOS			KOS
152	KSB			KSB
153	L10			L10
154	LAF			LAF
155	LBM			LBM
156	LCG			LCG
157	LGC			LGC
158	LHG			LHG
159	LIX			LIX
160	LM8			LM8
161	LPB			LPB
162	LSS			LSS
163	MBB			MBB
164	MCM			MCM
165	MCP			MCP
166	MHC			MHC
167	MIG			MIG
168	MSB			MSB
169	MSH			MSH
170	MSN			MSN
171	MWG			MWG
172	NAB			NAB
173	NAF			NAF
174	NAV			NAV
175	NBB			NBB
176	NCT			NCT
177	NHA			NHA
178	NHH			NHH
179	NHT			NHT
180	NKG			NKG
181	NLG			NLG
182	NNC			NNC

183	NO1			NO1
184	NSC			NSC
185	NT2			NT2
186	NTL			NTL
187	OCB			OCB
188	OPC			OPC
189	PAC			PAC
190	PAN			PAN
191	PC1			PC1
192	PDN			PDN
193	PDR			PDR
194	PET			PET
195	PGC			PGC
196	PGD			PGD
197	PGI			PGI
198	PHC			PHC
199	PHR			PHR
200	PJT			PJT
201	PLP			PLP
202	PLX			PLX
203	PNC			PNC
204	PNJ			PNJ
205	POW			POW
206	PPC			PPC
207	PTB			PTB
208	PTC			PTC
209	PVD			PVD
210	PVP			PVP
211	PVT			PVT
212	QCG			QCG
213	QNP			QNP
214	RAL			RAL
215	REE			REE

216	S4A			S4A
217	SAB			SAB
218	SAM			SAM
219	SAV			SAV
220	SBA			SBA
221	SBG			SBG
222	SBT			SBT
223	SC5			SC5
224	SCR			SCR
225	SCS			SCS
226	SFC			SFC
227	SFG			SFG
228	SFI			SFI
229	SGN			SGN
230	SGR			SGR
231	SGT			SGT
232	SHA			SHA
233	SHB			SHB
234	SHI			SHI
235	SHP			SHP
236	SIP			SIP
237	SJD			SJD
238	SJS			SJS
239	SKG			SKG
240	SMA			SMA
241	SMB			SMB
242	SPM			SPM
243	SRC			SRC
244	SSB			SSB
245	SSC			SSC
246	SSI			SSI
247	ST8			ST8
248	STB			STB

249	STG			STG
250	STK			STK
251	SVC			SVC
252	SVI			SVI
253	SVT			SVT
254	SZC			SZC
255	SZL			SZL
256	TBC			TBC
257	TCB			TCB
258	TCH			TCH
259	TCI			TCI
260	TCL			TCL
261	TCM			TCM
262	TCO			TCO
263	TCT			TCT
264	TDC			TDC
265	TDG			TDG
266	TDM			TDM
267	TDP			TDP
268	TDW			TDW
269	TEG			TEG
270	THG			THG
271	TIP			TIP
272	TIX			TIX
273	TLD			TLD
274	TLG			TLG
275	TMP			TMP
276	TMS			TMS
277	TN1			TN1
278	TNC			TNC
279	TNH			TNH
280	TNT			TNT
281	TPB			TPB

gfc

282	TRA			TRA
283	TRC			TRC
284	TSC			TSC
285	TTA			TTA
286	TV2			TV2
287	TVB			TVB
288	TVS			TVS
289	TVT			TVT
290	TYA			TYA
291	UIC			UIC
292	VCA	VCA		
293	VCB			VCB
294	VCF			VCF
295	VCG			VCG
296	VCI			VCI
297	VDP			VDP
298	VDS			VDS
299	VFG			VFG
300	VGC			VGC
301	VHC			VHC
302	VHM			VHM
303	VIB			VIB
304	VIC			VIC
305	VID			VID
306	VIP			VIP
307	VIX			VIX
308	VJC			VJC
309	VMD			VMD
310	VND			VND
311	VNG			VNG
312	VNL			VNL
313	VNM			VNM
314	VNS			VNS

315	VOS			VOS
316	VPD			VPD
317	VPG			VPG
318	VPH			VPH
319	VPI			VPI
320	VPS			VPS
321	VRC			VRC
322	VRE			VRE
323	VSC			VSC
324	VSH	VSH		
325	VSJ			VSJ
326	VTO			VTO
327	VTP			VTP
328	YBM			YBM
329	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo này cho Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM
4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BDB	BDB		
10	BED			BED
11	BKC			BKC
12	BNA			BNA
13	BPC			BPC

14	BSC			BSC
15	BST	BST		
16	BTW			BTW
17	BVS			BVS
18	BXH			BXH
19	C69			C69
20	CAN			CAN
21	CAP			CAP
22	CCR			CCR
23	CDN			CDN
24	CEO			CEO
25	CET	CET		
26	CIA			CIA
27	CKV			CKV
28	CLH			CLH
29	CLM			CLM
30	CMC			CMC
31	CMS			CMS
32	CPC			CPC
33	CSC			CSC
34	CTB			CTB
35	CTP			CTP
36	CTT			CTT
37	CX8			CX8
38	D11			D11
39	DAD			DAD
40	DAE			DAE
41	DC2			DC2
42	DHP			DHP
43	DHT			DHT
44	DIH			DIH
45	DL1			DL1
46	DNC			DNC

47	DNP			DNP
48	DP3			DP3
49	DST			DST
50	DTD			DTD
51	DTG			DTG
52	DTK			DTK
53	DVM			DVM
54	DXP			DXP
55	EBS			EBS
56	EID			EID
57	EVS			EVS
58	GDW			GDW
59	GIC			GIC
60	GMA			GMA
61	GMX			GMX
62	HAD			HAD
63	HAT			HAT
64	HBS			HBS
65	HCC			HCC
66	HDA			HDA
67	HEV			HEV
68	HGM			HGM
69	HHC			HHC
70	HJS			HJS
71	HKT			HKT
72	HLC			HLC
73	HMH			HMH
74	HMR			HMR
75	HTC			HTC
76	HUT			HUT
77	HVT			HVT
78	ICG			ICG
79	IDC			IDC

80	IDV			IDV
81	INC			INC
82	INN			INN
83	IPA			IPA
84	ITQ			ITQ
85	IVS			IVS
86	KDM			KDM
87	KHS			KHS
88	KMT			KMT
89	KSF			KSF
90	KST			KST
91	KSV			KSV
92	KTS			KTS
93	L14			L14
94	L18			L18
95	L40			L40
96	LAS			LAS
97	LBE			LBE
98	LHC			LHC
99	LIG			LIG
100	MAC			MAC
101	MBG			MBG
102	MBS			MBS
103	MCC			MCC
104	MCF			MCF
105	MCO			MCO
106	MDC			MDC
107	MEL			MEL
108	MKV			MKV
109	MST			MST
110	MVB			MVB
111	NAG			NAG
112	NAP			NAP

113	NBC			NBC
114	NBW			NBW
115	NDN			NDN
116	NDX			NDX
117	NET			NET
118	NFC			NFC
119	NHC			NHC
120	NSH			NSH
121	NST			NST
122	NTH			NTH
123	NTP			NTP
124	ONE			ONE
125	PBP			PBP
126	PCE			PCE
127	PCH			PCH
128	PCT			PCT
129	PDB			PDB
130	PGN			PGN
131	PGS			PGS
132	PHN			PHN
133	PIA			PIA
134	PIC			PIC
135	PJC			PJC
136	PLC			PLC
137	PMB			PMB
138	PMC			PMC
139	PMP			PMP
140	PMS			PMS
141	POT			POT
142	PPP			PPP
143	PPS			PPS
144	PPT			PPT
145	PPY			PPY

[Handwritten signature]

C.A.
TY
IÂN
HO
NH
T.P.

146	PRC			PRC
147	PRE			PRE
148	PSC			PSC
149	PSD			PSD
150	PSE			PSE
151	PSI			PSI
152	PSW			PSW
153	PTI			PTI
154	PTS			PTS
155	PTX			PTX
156	PVB			PVB
157	PVC			PVC
158	PVG			PVG
159	PVI			PVI
160	PVS			PVS
161	QHD			QHD
162	QST			QST
163	QTC			QTC
164	RCL			RCL
165	S55			S55
166	S99			S99
167	SAF			SAF
168	SCG			SCG
169	SCI			SCI
170	SD5			SD5
171	SD9			SD9
172	SDC			SDC
173	SDN			SDN
174	SEB			SEB
175	SED			SED
176	SFN			SFN
177	SGC			SGC
178	SGH			SGH

179	SHE			SHE
180	SHN			SHN
181	SHS			SHS
182	SJ1			SJ1
183	SJE			SJE
184	SLS			SLS
185	SMN			SMN
186	SMT			SMT
187	STC			STC
188	STP			STP
189	SVN			SVN
190	SZB			SZB
191	TA9			TA9
192	TBX			TBX
193	TDT			TDT
194	TET			TET
195	TFC			TFC
196	THB			THB
197	THD			THD
198	THS			THS
199	THT			THT
200	TJC			TJC
201	TKU			TKU
202	TMB			TMB
203	TMC			TMC
204	TMX			TMX
205	TNG			TNG
206	TOT			TOT
207	TPH	TPH		
208	TPP			TPP
209	TSB			TSB
210	TTC			TTC
211	TTT			TTT

212	TV4			TV4
213	TVD			TVD
214	UNI			UNI
215	V12			V12
216	VBC			VBC
217	VC1			VC1
218	VC3			VC3
219	VC6			VC6
220	VC7			VC7
221	VCC			VCC
222	VCM			VCM
223	VCS			VCS
224	VE3			VE3
225	VFS			VFS
226	VGP			VGP
227	VGS			VGS
228	VHE			VHE
229	VIF			VIF
230	VIT			VIT
231	VLA			VLA
232	VMC			VMC
233	VMS			VMS
234	VNC			VNC
235	VNF			VNF
236	VNR			VNR
237	VSA			VSA
238	VSM			VSM
239	VTC			VTC
240	VTH			VTH
241	VTZ			VTZ
242	WCS			WCS

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Thu Hà

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Lê

TUO TONG GIAM DOC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Văn Minh

